



指定ごみ袋は、スーパー、コンビニエンスストアなどで購入できます。
 Specified garbage bags can be purchased at supermarkets, convenience stores, etc.
 指定垃圾袋可在超市、便利店购买。
 Pueden adquirir las bolsas designadas de basura en el supermercado, tienda de conveniencia etc.

Os sacos de lixo designados são vendidos em supermercados, conveniência Store, e outros.
 지정 쓰레기 봉투는 슈퍼마켓이나 편의점에서 구입할 수 있습니다.
 Có thể mua được túi rác chỉ định tại siêu thị, Konbini .v.v...

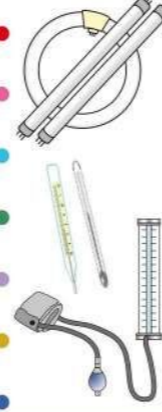
新聞、雑誌、ダンボールはリサイクルのために別で収集されます。詳しくはクリーンセンターまで
 Newspapers, magazines, and cardboard waste are collected separately in order to allow for recycling. For more details, please contact the Clean Center.
 报纸、杂志、纸箱为可再利用垃圾，需要特别收集。详细情况请向 clean center 咨询。
 Los periódicos, revistas y cajas de cartón se recolectan por separado para reciclaje. Solicite información detallada al Centro de Limpieza.
 São coletados para reciclagem jornais, revistas, caixas de papelão. Mais informações entre em contato com o Centro de Limpeza (Kurin Senta).
 신문, 잡지, 종이 상자는 리사이클을 하기 때문에 따로 수집하고 있습니다. 자세한 내용은 클린 센터로 문의해 주십시오.
 Báo, tạp chí, thùng giấy vì có thể tái chế cho nên được thu riêng. Chi tiết, xin hỏi tại Kurin Senta



エアコン、テレビ、冷蔵庫、洗たく機、衣類乾燥機、パソコン、事業系ごみ(店から出るごみ)、危険物は市は収集できません。
 Air conditioners, TVs, refrigerators, washing machines, laundry driers, personal computers, commercial waste (waste generated from business activities), and hazardous waste cannot be collected by municipal waste collectors.
 空调、电视机、冰箱、洗衣机、干衣机、电脑、企业事业类垃圾(店的垃圾)、危险物品、本市不予回收。
 La ciudad no puede recolectar acondicionador de aire, televisor, refrigerador, lavadora, secadora de ropa, computadora, basura industrial (basura de tiendas) y objetos peligrosos.
 Não são coletados aparelhos de ar condicionado, televisor, geladeira, máquina de lavar, secadora de roupas, computador, objetos de empresas (lojas) e objetos de perigo.
 에어컨, 텔레비전, 냉장고, 세탁기, 의류건조기, 컴퓨터, 사업용 쓰레기(가게에서 나오는 쓰레기), 위험물은 시에서는 수집하지 않습니다.
 Thành phố không thu: Máy điều hòa, tivi, tủ lạnh, máy giặt, máy vi tính, rác ngành (rác của cửa hàng), vật nguy hiểm.
 Thành phố không thu: Máy điều hòa, tivi, tủ lạnh, máy giặt, máy sấy quần áo, máy vi tính, rác ngành (rác của cửa hàng), vật nguy hiểm.



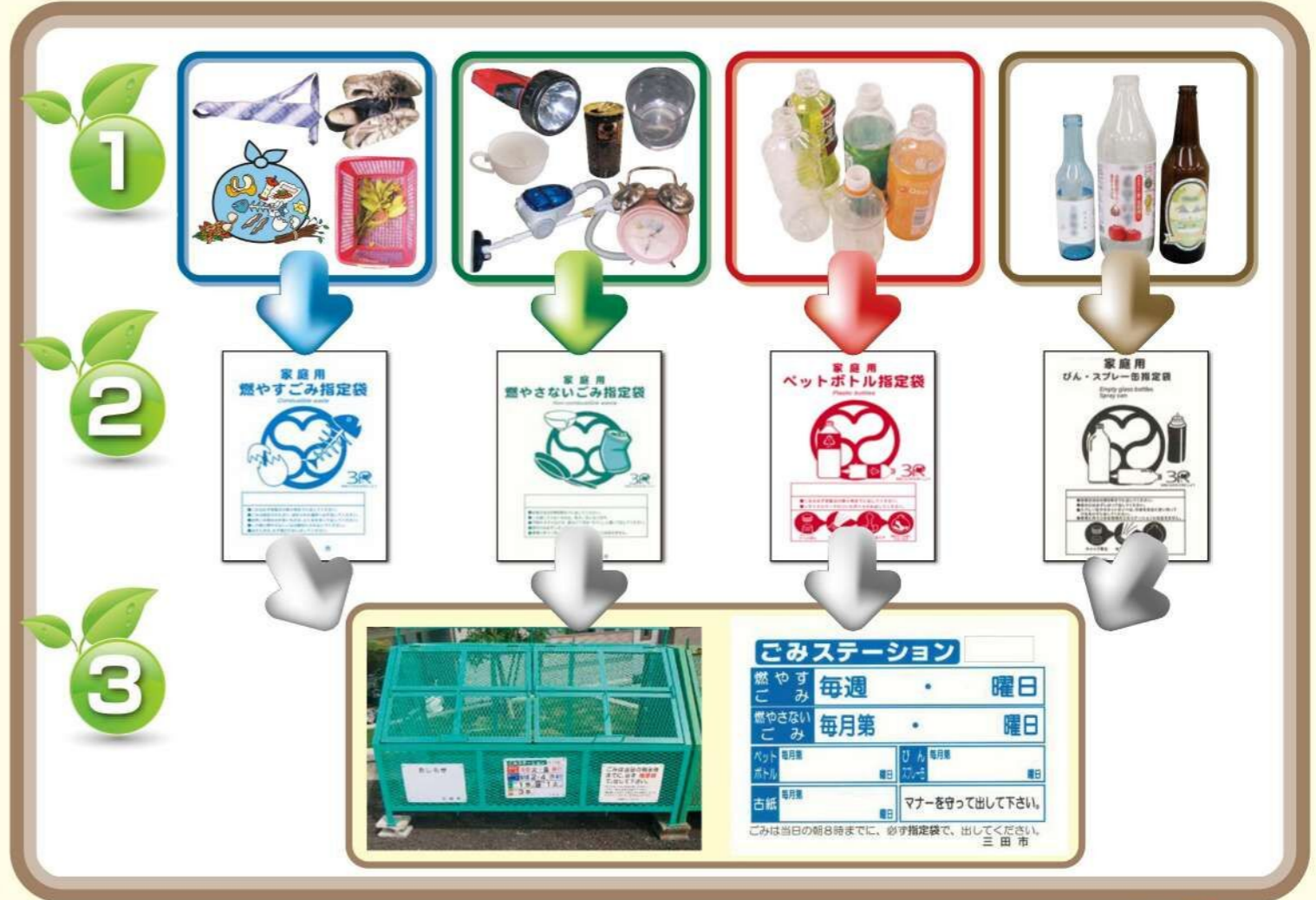
水銀を使用した蛍光灯、体温計、温度計、血圧計、乾電池(単1~単5、角型9V)は拠点回収。 回収場所: 市役所、各市民センター、総合福祉保健センター、クリーンセンター
 Collection of fluorescent tubes, clinical thermometers, thermometers, blood pressure monitors, and batteries (no.1-5 and 9V) at the collection point. Designated collection places: Sanda City Hall, Each Civic Centers, Sanda Welfare and Health Center, Clean Center
 使用水銀の蛍光灯、体温計、温度計、血圧計及干電池(1号、2号、3号、4号、5号電池、9V電池)能在回收据点回收。
 回收据点: 市政府、各市民中心、综合福利保健中心、焚烧清洁中心
 Tubos fluorescentes, termómetros corporales y ambientales, tensiómetros, pila seca (tamaño 1 a 5, pila de 9V) en los que se utilizaron mercurio. Recolectación en el lugar designado. Lugar de recolección: Municipalidad, Centros Comunes de cada barrio, Centro General de Salud y Asistencia Social, Centro de Limpieza
 Tubos fluorescentes, termómetros para o corpo, termómetros de ambiente, etc. e medidores de pressão arterial que usam mercúrio e pilhas secas (Tan 1 a Tan 5, quadrada 9V) são coletados em locais específicos. Locais de coleta: Prefeitura, cada Centro Cívico, Centro Geral de Saúde Bem-Estar e Centro de Limpeza
 수은을 사용한 형광관, 체온계, 온도계, 혈압계, 건전지(단1~단5, 사각형 9V)는 지정된 장소에서 수거합니다.
 수거 장소: 시청본사, 각시민 센터, 종합복지보건센터, 클린센터(쓰레기)
 Bóng đèn tuýp, thân nhiệt kế, nhiệt kế, máy đo huyết áp, là những đồ có sử dụng thủy ngân, pin khô (pin tiểu số 1 đến số 5, pin vuông 9V) thì thu gom tại những điểm nhất định.
 Địa điểm thu gom: Ủy ban nhân dân thành phố (shiyakusho), Các trung tâm hành chính địa phương của thành phố, Trung tâm đảm bảo sức khỏe - phúc lợi tổng hợp, Kurin Senta



ごみの分別やごみの出し方が分からないときは近所の人に尋ねるか、三田市クリーンセンターまで(TEL 079-563-5551)
問い合わせの時に日本語ができない場合は人権共生推進課まで(TEL 079-559-5023)
 If you have questions regarding the sorting and disposal of garbage, please ask your neighbors or contact the Sanda City Clean Center (TEL079-563-5551)
 If you are unable to communicate in Japanese, please contact the Human Rights and Inclusion Promotion Division(TEL079-559-5023)
 垃圾分类方法、处理方法如有不明白的，请向周围的邻居或者三田市清洁中心(clean center)咨询(TEL079-563-5551)
 如果不会日语的话，请向人权共生推进科咨询(TEL079-559-5023)
 Cuando no sabe cómo separar o botar, favor de preguntar a los vecinos o al Centro de Limpieza de Sanda(TEL079-563-5551)
 Si no puede solicitar la información en japonés, contactese a la División de Promoción de Derechos Humanos e Inclusión(TEL079-559-5023)
 Na dúvida de como dividir o lixo, pergunte ao vizinho ou consulte o Centro de Limpeza da Cidade de Sanda (Sanda-shi Kurin Senta) (TEL079-563-5551)
 Caso não entenda o idioma japonês, dirija-se ao Divisão de Promoção da Interação dos Direitos Humanos para maiores informações (TEL079-559-5023)
 쓰레기 분류나 쓰레기 버리는 방법을 모를 때는 이웃 사람에게 물어 보거나 산다시 클린 센터로 문의해 주십시오(TEL079-563-5551)
 문의하실 때 일본어를 모를 경우에는 인권공생추진과 문의해 주십시오(TEL079-559-5023)
 Nếu không rõ về cách phân hay cách bỏ rác, xin hỏi hàng xóm hay Kurin Senta của TP Sanda(TEL079-563-5551)
 Khi liên lạc, nếu không nói được tiếng Nhật xin liên lạc đến Ban xúc tiến hòa nhập và nhân quyền(TEL079-559-5023)

家庭ごみの分別と出し方ルール

- 英語 Rules for sorting and disposing of domestic garbage
- 中国語 家庭垃圾的分类方法以及处理规定
- スペイン語 Separación de la basura del hogar y reglas para botar basura
- ポルトガル語 Regras da divisão e despejo do lixo caseiro
- ハンゲル 일반 가정 쓰레기 분류와 쓰레기 내는 방법의 규칙
- ベトナム語 Cách phân và cách bỏ rác



基本3ステップ 3 basic steps 基本三步骤 Tres pasos básicos
 São três passos fundamentais 기본 3 단계 3 giai đoạn cơ bản

1 分別 (Sort garbage) 垃圾分类 Separar la basura Divisão do lixo 쓰레기 분류 Phân loại rác

2 指定ごみ袋に入れる (Place garbage in the specified garbage bags) 将垃圾放入指定垃圾袋 Meter en la bolsa designada Despejar em sacos de lixo designados 지정 쓰레기 봉투에 넣을 것 Cho vào túi rác chỉ định

3 当日朝8時までに指定のごみステーションに出す (Dispose of garbage at the specified garbage collection stations by 8 AM on garbage collection day) 回收日早晨8点之前放在指定的垃圾回收站。 Dejar la basura en la estación designada de basura antes de las 8 de la mañana del día de colección. Despejar no ponto de coleta do dia determinado até às 8 horas da manhã. 당일 아침 8시까지 지정 쓰레기 장소에 내 놓을 것 Đem bỏ rác tại nơi qui định trước 8g sáng của ngày bỏ

ごみの分別

Sorting garbage

垃圾的分类方法

Separación de la basura

Divisão do lixo

쓰레기 분류

Phân loại rác

指定ごみ袋の種類 Types of specified garbage bags Tipo de sacos de lixo designados 指定垃圾袋的种类 Tipe de bolsa designada de basura Loại túi rác chỉ định	主な対象品 Examples of applicable items Principales objetos 주요한 대상품 Những loại chính	収集日 Collection days Dia de colección 回收日 Dia da coleta 수집일 Ngày thu
<p>燃やすごみ Combustible waste 可燃垃圾 Basura quemable Lixo incinerável 소각 쓰레기 Rác đốt được</p> 	<p>残飯、木切れ、紙屑、プラスチック、発泡スチロール、皮革製品など Leftover food, wood chips, waste paper, plastic, styrofoam, leather products, etc. 剩饭, 碎木片, 纸屑, 塑料, 泡沫塑料, 皮革制品等 Restos de comida, pedazos de madera, papeles, plásticos, espuma de poliestireno, productos de cuero etc. Restos de comida, pedaço de madeira, papel velho, plástico, isopor, artigos de couros e outros 음식물 찌꺼기, 토막나무, 종이류, 플라스틱, 발포 스티롤, 가죽 제품등 Cơm thừa, cây vụn, giấy vụn, plastic, hộp xốp, đồ da .v.v...</p> 	<p>週2回 Twice a week 每周2次 Dos veces a la semana Duas vezes por semana 일주일에 두번 Tuần 2 lần</p>
<p>燃やさないごみ Non-combustible waste 不可燃垃圾 Basura no quemable Lixo não incinerável 소각하지않는 쓰레기 Rác không đốt được</p> 	<p>茶碗、かざ、鍋、缶類、ガラス製品、コイン電池(型式記号CR・BR)、金属製品など Bowls, umbrellas, cookware, cans, glass products, Coin battery (CR / BR types), metal products, etc. 碗, 雨伞, 锅, 罐子, 玻璃制品, 硬币式电池(型号CR・BR), 金属制品等 Tazas, paraguas, ollas, latas, Bateria tipo moneda (Código de serie CR/BR), productos de metal etc. Louças, guarda-chuva, panela, tipos de lata, peças de vidros, Pilha moeda (código de tipo CR/BR), artigos de metal e outros 밥그릇, 우산, 냄비, 캔류, 유리 제품, 동전형 전지(형식 기호 CR, BR), 금속 제품등 Chén, dù, nôi, lon, đồ thủy tinh, Pin hình đồng xu (mã ký hiệu: CR/BR), đồ kim loại .v.v...</p> 	<p>月2回 Twice a month 每月2次 Dos veces al mes Duas vezes por mês 한달의 두번 Tháng 2 lần</p>
<p>ペットボトル Plastic bottles 塑料瓶 Botella de PET Garrafa plástica 페트 병 Bình nhựa trong</p> 	<p>PETマークがある飲料用、酒、しょうゆ用のボトル(空にしてラベルをはがし洗う) Drink bottles with a PET (polyethylene terephthalate) logo, bottles for alcoholic drinks, bottles for soy sauce, etc. (remove any labels, empty the bottles of their contents, and rinse them clean) 有PET标志的饮料、酒、酱油用的塑料瓶(把空瓶的标签取掉后洗净) Botellas de PET, sake, salsa de soya (vaciar, quitar la etiqueta y lavar) Vasilhames com a marca PET de bebida, saque, vasilhames de shoyu (lavar os vasilhames e descolar o rótulo) PET마크가 있는 음료용, 술, 간장용 병(속을 비워서 상표를 떼고 씻을 것) Bình đựng thức uống có dấu PET, bình rượu, bình nước tương (dùng hết, tháo bỏ nhãn hiệu rồi xúc sơ)</p> 	<p>月1回 Once a month 每月1次 Una vez al mes Uma vez por mês 한달의 한번 Tháng 1 lần</p>
<p>空きびん・スプレー缶 Empty glass bottles・Spray can 空瓶・喷雾罐 Botella de vidrio・Lata de aerosol Garrafa de vidro vazio・Lata de spray 빈병・스프레이 캔 Lọ không・Bình xịt</p> 	<p>飲料、酒類、調味料、食品、薬、芳香剤、化粧品などのびん(空にして洗う)、スプレー缶(中身を使い切る) Bottles, such as those used for beverages, alcoholic drinks, condiments, food products, medicine, air fresheners, cosmetics, etc. (empty and rinse them clean), Spray can (no content remaining) 饮料、酒类、调味料、食品、药、芳香剂、化妆品等的瓶子(用完后清洗)、喷雾罐(内容物全部用尽无残留) Botellas de bebidas, bebidas alcohólicas, condimentos, alimentos, medicinas, aromáticos, cosméticos, etc. (vaciarlos y lavarlos), Lata de aerosol (agotar el contenido) Garrafas de: bebidas, bebidas alcohólicas, temperos, alimentos, medicamentos, perfumes, cosméticos, etc. (esvaziar e lavar), Lata de spray (utilize todo o conteúdo) 음료, 주류, 조미료, 식품, 약, 방향제, 화장품 등의 병(비운 후 씻을 것), 스프레이 캔(내용물을 비운다) Đồ uống, đồ uống có cồn, gia vị, đồ ăn, thuốc, chất tạo mùi thơm, chai lọ đựng mỹ phẩm các loại (đổ hết rồi súc sạch), Bình xịt (dùng hết bên trong)</p> 	<p>月1回 Once a month 每月1次 Una vez al mes Uma vez por mês 한달의 한번 Tháng 1 lần</p>
<p>粗大ごみ Oversized garbage 大型垃圾 Basura grande Lixo de porte grande 대형 쓰레기 Rác lớn</p> 	<p>指定袋に入らない大きなごみはクリーンセンターに収集の申込をしてください。 For oversized garbage that will not fit into the specified bags, please contact the Clean Center to inquire about collection 无法放进指定垃圾袋的超大垃圾请向清洁中心(clean center)申请垃圾处理 En cuanto a la basura grande que no entra en la bolsa designada, solicite la colección al Centro de Limpieza O lixo de grande porte deve ser coletado pelo Centro de limpeza (Kurin Senta), não deve ser despejado em sacos de lixo designados 지정 봉투에 안 들어가는 쓰레기는 클린 센터에 수집 신청을 해 주십시오 Những rác lớn không bỏ lọt vào túi chỉ định, xin liên lạc cho Kurin Senta để nhờ họ tới lấy</p> 	<p>クリーンセンター Clean Center Centro de limpeza (Kurin Senta) 清洁中心(clean center) 클린 센터 Centro de Limpieza Kurin Senta</p> <p>079-559-1212</p>

収集日は地域で異なります。クリーンセンターにお尋ねいただくか市HPでご確認ください。
Collection days differ depending on your area of residence. For more details, please contact the Clean Center or refer to the official website of the city government.
回收日根据地域有所不同。请向清洁中心(clean center)咨询或者在本市的网页上确认

El día de colección es diferente en cada zona. Favor de preguntar al Centro de Limpieza o verifique en la página web de la ciudad.
Conforme a região o dia da coleta do lixo é diferente. Procure se informar no Centro de limpeza (Kurin Senta) ou através da site da cidade.
수집일은 지역에 따라 다릅니다. 클린 센터에 문의를 하시거나 시의 홈페이지로 확인해 주십시오.

Ngày thu khác nhau tùy theo địa phương. Xin hỏi Kurin Senta hay xem lại trên trang web của TP Sanda.
TEL 079-563-5551

